

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **09** /2019/NQ-HĐND

Lai Châu, ngày **23** tháng 7 năm 2019

NGHỊ QUYẾT

Quy định chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ MƯỜI

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;
Căn cứ Luật chuyển giao công nghệ ngày 19 tháng 6 năm 2017;
Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ; số 95/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 quy định về đầu tư và cơ chế tài chính đối với hoạt động khoa học và công nghệ; số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp; số 122/2010/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2010 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006; số 76/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ;

Xét Tờ trình số 1092/TTr-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Báo cáo thẩm tra số 288/BC-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2019 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định chính sách hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ trên địa bàn tỉnh, như sau:

1. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân tham gia các hoạt động chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ; ứng dụng khoa học và công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ; xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quản lý chất lượng sản phẩm trong tỉnh.

2. Nguyên tắc hỗ trợ

a) Đảm bảo công khai, minh bạch, bình đẳng.

b) Tổ chức, cá nhân có nội dung xin hỗ trợ đã được ngân sách nhà nước hỗ trợ ở chính sách khác thì không được hỗ trợ trong chính sách này; doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài không thuộc diện hỗ trợ của chính sách này.

3 Điều kiện được hưởng hỗ trợ

a) Tổ chức, cá nhân có cơ sở vật chất bảo đảm và năng lực tổ chức tiếp nhận chuyển giao, ứng dụng và đổi mới công nghệ; ứng dụng khoa học và công nghệ; xác lập quyền sở hữu công nghiệp và quản lý chất lượng sản phẩm.

b) Tổ chức, cá nhân phải có cam kết bố trí kinh phí đối ứng và cam kết sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích khi triển khai thực hiện hỗ trợ.

4. Nội dung và định mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ chuyển giao công nghệ, ứng dụng và đổi mới công nghệ: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí hợp đồng chuyển giao công nghệ, dự án ứng dụng và đổi mới công nghệ nhưng không quá 500 triệu đồng.

b) Hỗ trợ ứng dụng khoa học và công nghệ hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh: Hỗ trợ 30% tổng kinh phí dự án nhưng không quá 500 triệu đồng/01 dự án.

c) Hỗ trợ xác lập quyền sở hữu công nghiệp trong các trường hợp sau:

Đối với kiểu dáng công nghiệp: Hỗ trợ 15 triệu đồng/01 chứng nhận;

Đối với nhãn hiệu thông thường: Hỗ trợ 15 triệu đồng/01 nhãn hiệu đã được chứng nhận;

Đối với nhãn hiệu tập thể: Hỗ trợ 30 triệu đồng/01 nhãn hiệu đã được chứng nhận;

Đối với nhãn hiệu bảo hộ ở nước ngoài: Hỗ trợ 50 triệu đồng/01 nhãn hiệu được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu ở nước ngoài.

d) Hỗ trợ quản lý chất lượng sản phẩm trong các trường hợp sau:

Hỗ trợ 30 triệu đồng/01 doanh nghiệp/01 sản phẩm được chứng nhận phù hợp quy chuẩn kỹ thuật địa phương, hoặc quy chuẩn kỹ thuật quốc gia;

Hỗ trợ 50 triệu đồng/01 doanh nghiệp áp dụng và quản lý tem truy xuất nguồn gốc.

5. Nguồn kinh phí

- a) Ngân sách tỉnh.
- b) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao

- 1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện.
- 2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu Khóa XIV, Kỳ họp thứ mười thông qua ngày 23 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 02 tháng 8 năm 2019./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Vũ Văn Hoàn